

KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ THẾ KỈ X ĐẾN HẾT THẾ KỈ XIX

A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- Văn học trung đại bao gồm hầu như mọi văn bản ngôn từ, từ văn bản chính trị, xã hội, sử học, triết học, văn hành chính như chiếu, biểu, hịch, cáo... cho đến văn nghệ thuật như thơ, phú, truyện, kí... do tầng lớp trí thức sáng tác.

- Các thành phần, các giai đoạn phát triển, đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của văn học trung đại.

2. Kỹ năng

Nhận diện một giai đoạn văn học; cảm nhận tác phẩm thuộc giai đoạn văn học trung đại.

3. Thái độ

Biết trân trọng, tự hào về thành tựu và giá trị của thời kì văn học trung đại Việt Nam; có ý thức giữ gìn về một thời kì văn học của dân tộc.

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

I. THỜI ĐẠI VÀ LỊCH SỬ

- Đây là một thời kì dài, bắt đầu từ khi quốc gia phong kiến Việt Nam được thiết lập đến lúc suy vong. Tư tưởng chủ đạo của thời đại này chịu ảnh hưởng Phật giáo và Nho giáo.

- Thời đại này gắn liền với nhiều cuộc chiến tranh chống ngoại xâm giữ nước vĩ đại (chống quân Tống thế kỉ XI, chống quân Mông - Nguyên thế kỉ XIII, chống quân Minh thế kỉ XV...) nhưng càng về sau, chiến tranh chủ yếu là sự sát phạt, tương tàn lẫn nhau của các tập đoàn phong kiến, giữa giai cấp thống trị với nhân dân.

→ Ảnh hưởng rất lớn đến văn học.

II. KHÁI NIỆM VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ THẾ KỈ X ĐẾN HẾT THẾ KỈ XIX

- Do nền văn học này chịu ảnh hưởng chủ yếu tư tưởng của giai cấp phong kiến nên còn có tên gọi là *văn học phong kiến*.

- Nền văn học này chủ yếu do các trí thức phong kiến, các nhà khoa bảng sáng tác nên còn có tên gọi là *văn học bác học*.

- Khái niệm *văn học trung đại* là căn cứ vào thời kì lịch sử (từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX).

III. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CỦA VĂN HỌC VIỆT NAM THỜI TRUNG ĐẠI

Giai đoạn	Nội dung	Nghệ thuật	Sự kiện VH, tác giả, tác phẩm
Từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIV	- Nội dung yêu nước mang âm hưởng hào hùng (<i>Quốc tộ</i> - Đỗ Pháp Thuận, <i>Chiếu dời đô</i> - Lí Công Uẩn, <i>Nam quốc sơn hà</i> - tương truyền của Lí Thường Kiệt, <i>Hịch tướng sĩ</i> - Trần Quốc Tuấn, <i>Tò lòng</i> - Phạm Ngũ Lão, <i>Phú sông Bạch Đằng</i> - Trương Hán Siêu...)	- Tư duy nghệ thuật chịu sự chi phối mạnh mẽ của quan niệm văn dĩ tải đạo, thi dĩ ngôn chí. - Thể loại văn học chủ yếu tiếp thu từ Trung Quốc (từ thế kỉ XV mới có những sáng tác bằng chữ Nôm tiêu biểu và có giá trị).	- Văn học chữ Hán: văn chính luận (<i>Chiếu dời đô</i> , <i>Hịch tướng sĩ</i>), văn xuôi viết về lịch sử, văn hoá (<i>Đại Việt sử kí</i> - Lê Văn Hưu, <i>Việt điện u linh tập</i> - Lí Tế Xuyên...), thơ phú (của Trần Quang Khải, Phạm Ngũ Lão, Trương Hán Siêu). - Văn học chữ Nôm: đặt những viên gạch đầu tiên trên con đường phát triển.
Từ thế kỉ XV đến hết thế kỉ XVII	- Nội dung yêu nước mang âm hưởng ngợi ca (<i>Quân trung từ mệnh tập</i> , <i>Bình Ngô đại cáo</i> - Nguyễn Trãi). - Phản ánh, phê phán hiện thực xã hội phong kiến (<i>Truyện kì mạn lục</i> - Nguyễn Dữ, các sáng tác của Nguyễn Bình Khiêm).	- Tư duy nghệ thuật đã có sự phân biệt văn với sử, triết. - Văn học gắn liền với hiện thực cuộc sống nhiều hơn.	- Văn học chữ Hán: văn chính luận (<i>Bình Ngô đại cáo</i> , <i>Quân trung từ mệnh tập</i>), văn xuôi tự sự (<i>Truyện kì mạn lục</i>). - Văn học chữ Nôm: thể thơ Đường luật và Đường luật xen lục ngôn (<i>Quốc âm thi tập</i> - Nguyễn Trãi, <i>Bạch Vân quốc ngữ thi</i> - Nguyễn Bình Khiêm)...
Từ thế kỉ VIII đến nửa đầu thế kỉ XIX	- Trào lưu nhân đạo: tiếng nói đòi quyền sống, đòi hạnh phúc và đấu tranh giải phóng con người, trong đó có con người cá nhân, nhất là người phụ nữ (<i>Chinh phụ ngâm</i> - nguyên tác Đặng Trần Côn, bản dịch Nôm của Đoàn Thị Điểm, <i>Cung oán ngâm</i> - Nguyễn Gia Thiều, <i>Truyện Kiều</i> - Nguyễn Du...).	- Các thể loại văn học dân tộc và văn học chữ Nôm đều phát triển vượt bậc và có những thành tựu	- Những thể loại văn học dân tộc như thơ Nôm viết theo thể Đường luật, ngâm khúc viết theo thể song thất lục bát, lục bát... đạt tới đỉnh cao. - Văn xuôi tự sự chữ Hán cũng đạt được những thành tựu nghệ thuật lớn (<i>Hoàng Lê nhất thống chí</i> - Ngô gia văn phái, <i>Thượng kinh kí sự</i> - Lê Hữu Trác, <i>Vũ trung tùy bút</i> - Phạm Đình Hổ...).
Nửa sau thế kỉ XIX	- Văn học yêu nước mang âm hưởng bi tráng (<i>Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc</i> , <i>Ngư tiều y thuật vấn đáp</i> - Nguyễn Đình Chiểu, thơ văn yêu nước của Phan Văn Trị, Nguyễn Quang Bích...); tư tưởng canh tân đất nước (các bản điều trần		- Văn học chữ Hán, chữ Nôm vẫn phát triển (thơ Nguyễn Khuyến, Tú Xương). - Xuất hiện một số tác phẩm văn xuôi viết bằng chữ quốc ngữ (<i>Truyện thầy La-za-rô Phiền</i> - Nguyễn Trọng Quản, <i>Chuyến đi Bắc Kỳ năm Ất Hợi</i> - Nguyễn Trọng Quản...).

	của Nguyễn Trường Tộ).	lớn.	
--	------------------------	------	--

IV. NỘI DUNG, NGHỆ THUẬT CHỦ YẾU

1. Nội dung

*** Cảm hứng yêu nước**

- Gắn với tư tưởng “trung quân ái quốc”.
- Biểu hiện:
 - + Ý thức độc lập tự chủ, tự cường của dân tộc (*Sông núi nước Nam, Đại cáo bình Ngô*);
 - + Lòng căm thù giặc, tinh thần quyết chiến quyết thắng kẻ thù (*Hịch tướng sĩ*);
 - + Tự hào trước chiến công thời đại (*Phò giá về kinh*);
 - + Tự hào trước truyền thống lịch sử (*Phú sông Bạch Đằng*);
 - + Ngợi ca những người hi sinh vì đất nước (*Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*);
 - + Tình yêu thiên nhiên đất nước (những bài thơ viết về thiên nhiên trong văn học Lí - Trần, trong sáng tác của Nguyễn Trãi, Nguyễn Khuyến).

*** Cảm hứng nhân đạo**

- Là nội dung lớn, xuyên suốt văn học trung đại.
- Chủ nghĩa nhân đạo trong văn học trung đại vừa bắt nguồn từ truyền thống nhân đạo của người Việt Nam, từ cội nguồn VHDG, vừa chịu ảnh hưởng tư tưởng nhân văn tích cực vốn có của Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo.
- Biểu hiện của cảm hứng nhân đạo trong văn học giai đoạn này:
 - + Lên án, tố cáo các thế lực tàn bạo chà đạp lên con người;
 - + Khẳng định, đề cao con người về các mặt phẩm chất, tài năng, khát vọng hạnh phúc, tự do, công lí...;
 - + Đề cao các quan hệ đạo đức tốt đẹp giữa người với người.

- Các sáng tác tiêu biểu: *Chuyện người con gái Nam Xương, Truyện Kiều, Bánh trôi nước...*

*** Cảm hứng thế sự**

- Biểu hiện khá rõ nét từ văn học cuối thời Trần (thế kỉ XIV) - khi triều đại nhà Trần có những biểu hiện suy thoái. Văn học viết về thế sự có bước phát triển trong hai thế kỉ XVIII và XIX.
- Các sáng tác tiêu biểu cho nội dung này là: *Vào phủ chúa Trịnh* (trích *Vũ trung tùy bút*), *Truyện Lục Vân Tiên...*

2. Nghệ thuật

*** Tính qui phạm**

- Là sự qui định chặt chẽ theo khuôn mẫu.
- Biểu hiện:
 - + Quan điểm văn học (“thi dĩ ngôn chí”, “văn dĩ tải đạo”);

- + Tư duy nghệ thuật;
- + Thể loại văn học;
- + Cách sử dụng thi liệu.
- Hệ quả:

+ Văn học trung đại thiên về *ước lệ, tượng trưng*.

+ Các tác giả tài năng (Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Khuyến...), một mặt tuân thủ tính qui phạm, mặt khác lại *phá vỡ tính qui phạm*, phát huy cá tính sáng tạo trong cả nội dung và hình thức biểu hiện.

*** Tính trang nhã**

- Thể hiện ở đề tài, chủ đề, hình tượng nghệ thuật, ngôn ngữ nghệ thuật.

- Xu hướng ngày càng gắn bó với hiện thực đã đưa văn học từ phong cách trang trọng, tao nhã về gần với đời sống hiện thực, tự nhiên và *bình dị*.

* **Sự tiếp thu tinh hoa** văn học Trung Quốc được thể hiện ở các phương diện: dùng chữ Hán để sáng tác; tiếp thu các thể loại văn học như cổ phong, Đường luật, hịch, cáo, chiếu, biểu...; sử dụng thi liệu là điển cố, thi liệu Hán văn.

Quá trình dân tộc hoá hình thức văn học đã sáng tạo ra chữ Nôm, dùng chữ Nôm trong sáng tác; Việt hoá thể thơ Đường luật thành thơ Nôm Đường luật, thất ngôn xen lục ngôn, song thất lục bát...; sử dụng lời ăn tiếng nói, cách diễn đạt của nhân dân trong sáng tác.

Giáo viên Vũ Dung

Nguồn: **Moon.vn**

Moon.vn

Moon.vn

Moon.vn

Moon.vn

Moon.vn

Moon.vn

Moon.vn

Moon.vn

Moon.vn

Moon.vn